

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

10/01/2018  
KIỂM TOÁN

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Khương Đức Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên
Ông Đỗ Đức Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2022)
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2022)
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2022)
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2022)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)
Ông Đỗ Anh Thái	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đoàn Hải Chiến – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Quang Luân - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Quang Luân**  
**Tổng Giám đốc**

Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

12  
11  
10  
9  
8  
7  
6  
5  
4  
3  
2  
1

Số: 021301/2023/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2023, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2022 là 164.792.052.136 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 276.753.893.177 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Như vậy, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai và sự cơ cấu lại nợ của ngân hàng để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch dòng tiền... để đảm bảo công ty hoạt động bình thường và đáp ứng giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



**Trần Thiện Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2023-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Handwritten signature of Đặng Thị Phương Thảo in blue ink.

**Đặng Thị Phương Thảo**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5169-2020-072-1

T.T.NH  
Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>101.302.110.535</b>	<b>77.128.948.532</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>60.103.949.835</b>	<b>42.833.711.593</b>
1. Tiền	111		57.103.949.835	39.133.711.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.700.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.012.611.033</b>	<b>34.100.480.370</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.718.019.647	12.523.803.720
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	218.512.708	6.940.471.731
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	13.370.000.000	11.827.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.706.078.678	20.333.893.061
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(17.524.688.142)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>46.502.500</b>	<b>46.502.500</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	46.502.500	46.502.500
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>139.047.167</b>	<b>148.254.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	139.047.167	148.254.069
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>613.885.364.625</b>	<b>666.872.584.541</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>49.815.000</b>	<b>49.815.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.815.000	49.815.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>600.199.202.471</b>	<b>654.633.780.387</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	600.199.202.471	654.633.780.387
- Nguyên giá	222		1.158.530.356.859	1.158.635.865.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(558.331.154.388)	(504.002.085.477)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.540.000.000</b>	<b>3.220.590.623</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(2.750.000.000)	(1.069.409.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	290.000.000	290.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.096.347.154</b>	<b>8.968.398.531</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	12.096.347.154	8.968.398.531
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>715.187.475.160</b>	<b>744.001.533.073</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>674.483.077.022</b>	<b>813.924.319.066</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>378.056.003.712</b>	<b>471.720.497.342</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.804.189.122	41.132.820.482
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	3.282.975.095	16.558.108.545
3. Phải trả người lao động	314		844.000.000	2.522.759.705
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	326.761.488.915	369.896.167.913
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14a	1.902.748.414	1.902.748.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	6.916.734.372	7.164.024.489
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	32.543.867.794	32.543.867.794
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>296.427.073.310</b>	<b>342.203.821.724</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14b	15.221.987.310	17.124.735.724
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	279.955.086.000	323.829.086.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.704.398.138</b>	<b>(69.922.785.993)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>40.704.398.138</b>	<b>(69.922.785.993)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		207.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		207.460.000.000	152.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(450.529.676)	(242.129.676)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(164.792.052.136)	(220.627.636.267)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(220.627.636.267)	(255.449.068.432)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		55.835.584.131	34.821.432.165
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>715.187.475.160</b>	<b>744.001.533.073</b>

*Bùi Lan Hương*

*Bùi Lan Hương*



**Bùi Lan Hương**  
Người lập  
Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

**Bùi Lan Hương**  
Phó Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Luân**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	195.982.292.813	181.574.012.433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		195.982.292.813	181.574.012.433
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.350.822.090	91.008.322.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.631.470.723	90.565.689.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.152.933.785	1.250.213.875
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.561.335.803	37.951.106.604
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.776.798.171	37.854.439.428
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.853.046.655	7.487.401.972
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.370.022.050	46.377.395.063
10. Thu nhập khác	31	VI.6	724.037.971	-
11. Chi phí khác	32	VI.7	1.136.773.340	8.124.889.472
12. Lợi nhuận khác	40		(412.735.369)	(8.124.889.472)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.957.286.681	38.252.505.591
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.121.702.550	3.431.073.426
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.835.584.131	34.821.432.165
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.502	2.303
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.502	2.303



**Bùi Lan Hương**  
Người lập  
Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2023



**Bùi Lan Hương**  
Phó Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Luân**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>59.957.286.681</b>	<b>38.252.505.591</b>
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	54.625.020.084	54.675.842.397
Các khoản dự phòng	03	(15.844.097.519)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.687.017.949)	(1.250.213.875)
Chi phí lãi vay	06	32.776.798.171	37.854.439.428
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>129.827.989.468</b>	<b>129.532.573.541</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	10.164.924.682	12.612.258.527
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(53.865.284.456)	(27.747.191.509)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.118.741.721)	480.233.902
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.631.570.000)	(45.749.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.177.288.309)	(2.167.711.783)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.200.029.664</b>	<b>66.961.162.678</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(232.490.995)	(80.000.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	618.181.818	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(92.370.000.000)	(21.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	90.827.000.000	18.993.000.000
5. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.101.517.755	64.704.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.944.208.578</b>	<b>(2.722.295.902)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	55.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.874.000.000)	(44.916.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11.126.000.000</b>	<b>(44.916.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>17.270.238.242</b>	<b>19.322.866.776</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.833.711.593</b>	<b>23.510.844.817</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>60.103.949.835</b>	<b>42.833.711.593</b>

*[Signature]*

**Bùi Lan Hương**  
Người lập  
Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

*[Signature]*

**Bùi Lan Hương**  
Phó Kế toán trưởng



**Nguyễn Quang Luân**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 cấp ngày 04 tháng 01 năm 2023.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2016 với mã chứng khoán là SP2.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty là 207.460.000.000 đồng; tương đương 20.746.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp 110KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện nước, thông tin.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Bản Dền, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	40%	40%	Xây dựng nhà các loại

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**6. Nhân viên**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 36 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 51 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 164.792.052.136 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 276.753.893.177 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nhiều năm gần đây nhất vẫn có giá trị dương. Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông. Công ty cũng đồng thời tiếp tục làm việc với ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

23  
T  
H  
Á  
T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)***

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải	05 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa,... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thụ nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 có doanh thu hoạt động của dự án hưởng ưu đãi từ năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000147 lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty có dự án Thủy điện Sử Pán 2. Mục tiêu để sản xuất điện hòa vào lưới điện quốc gia, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát điện lên lưới điện Quốc gia.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04 dự án mới phát sinh doanh thu. Do đó căn cứ vào các quy định trên Công ty được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế như sau:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm;
- Thời gian miễn thuế 04 năm từ năm 2015-2018;
- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo từ năm 2019-2027.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	174.857.670	3.811.037.753
Tiền gửi ngân hàng	56.929.092.165	35.322.673.840
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	3.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.103.949.835</b>	<b>42.833.711.593</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,6 %/năm.

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.718.019.647	12.507.303.720
Các đối tượng khác	-	16.500.000
<b>Cộng</b>	<b>25.718.019.647</b>	<b>12.523.803.720</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển thương mại Tây Bắc	98.213.150	2.055.324.903
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	-	2.065.821.581
Công ty TNHH Phú Đức	-	875.036.951
Các đối tượng khác	120.299.558	1.944.288.296
<b>Cộng</b>	<b>218.512.708</b>	<b>6.940.471.731</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</b>	-	<b>2.065.821.581</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Sơn Lạc Viên (i)	13.370.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	-	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	10.707.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>13.370.000.000</u></u>	<u><u>11.827.000.000</u></u>
<b>b) Phải thu về cho vay là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</b>	-	<u><u>11.827.000.000</u></u>
(i) Khoản cho Công ty TNHH Sơn Lạc Viên vay theo hợp đồng số 2022/HĐVV/SP2-SLV ngày 23/11/2022 với số tiền vay 13.370.000.000 đồng. Thời hạn khoản cho vay là 90 ngày kể từ ngày nhận nợ. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sơn Lạc Viên. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là 10,3 %/năm.		

**5. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	1.055.870.748	332.339.813
Lỗi thanh lý dự án Nậm Cùn chờ xử lý	-	14.654.688.095
Các khoản phải thu khác	650.207.930	5.346.865.153
<b>Cộng</b>	<u><u>1.706.078.678</u></u>	<u><u>20.333.893.061</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	49.815.000	49.815.000
<b>Cộng</b>	<u><u>49.815.000</u></u>	<u><u>49.815.000</u></u>
<b>c) Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</b>	-	<u><u>2.147.426.943</u></u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	46.502.500	-	46.502.500	-
<b>Cộng</b>	<u><u>46.502.500</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>46.502.500</u></u>	<u><u>-</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	121.545.067	141.298.903
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.274.825	2.579.999
Chi phí phân bổ khác	1.227.275	4.375.167
<b>Cộng</b>	<b>139.047.167</b>	<b>148.254.069</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	11.054.428.419	7.685.512.856
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	572.635.116	593.759.517
Chi phí trả trước khác	469.283.619	689.126.158
<b>Cộng</b>	<b>12.096.347.154</b>	<b>8.968.398.531</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	6.066.303.729	16.111.045.160	21.371.281.445	806.067.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.205.610.820	4.121.702.550	6.177.288.309	1.150.025.061
Thuế thu nhập cá nhân	4.726.423	170.132.171	169.408.446	5.450.148
Thuế tài nguyên	4.043.437.689	15.098.438.903	18.188.582.454	953.294.138
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	3.238.029.884	7.911.736.676	10.781.628.256	368.138.304
<b>Cộng</b>	<b>16.558.108.545</b>	<b>43.413.055.460</b>	<b>56.688.188.910</b>	<b>3.282.975.095</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày đầu năm	569.227.727.436	477.139.194.717	111.713.764.711	555.179.000	1.158.635.865.864
Mua trong năm	-	232.490.995	-	-	232.490.995
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(338.000.000)	-	(338.000.000)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>569.227.727.436</b>	<b>477.371.685.712</b>	<b>111.375.764.711</b>	<b>555.179.000</b>	<b>1.158.530.356.859</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày đầu năm	228.387.627.859	223.804.355.404	51.425.073.187	385.029.027	504.002.085.477
Khấu hao trong năm	22.850.214.744	25.455.357.614	6.243.650.146	75.797.580	54.625.020.084
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(295.951.173)	-	(295.951.173)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>251.237.842.603</b>	<b>249.259.713.018</b>	<b>57.372.772.160</b>	<b>460.826.607</b>	<b>558.331.154.388</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	340.840.099.577	253.334.839.313	60.288.691.524	170.149.973	654.633.780.387
Tại ngày cuối năm	317.989.884.833	228.111.972.694	54.002.992.551	94.352.393	600.199.202.471

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 596.714.839.617 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 650.473.759.761 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.087.034.329 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 475.216.147 đồng).

**10. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu (*)	290.000.000	290.000.000
<b>Cộng</b>	<b>290.000.000</b>	<b>290.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(\*) Khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là 29 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu Công ty nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Thời hạn 10 năm. Ngày phát hành là 19/12/2018. Ngày đáo hạn là 19/12/2028. Lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng tham chiếu tại Ngày Xác định lãi suất + 1%/năm. Lãi trả định kỳ một năm một lần.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	40,00%	4.000.000.000	(2.750.000.000)	40,00%	4.000.000.000	(1.069.409.377)
<b>Cộng</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>(2.750.000.000)</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>(1.069.409.377)</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.737.964.535	2.737.964.535	2.737.964.535	2.737.964.535
Tổng Công ty Sông Đà	1.191.787.103	1.191.787.103	1.191.787.103	1.191.787.103
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMEKO)	-	-	18.625.310.422	18.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	-	13.221.823.557	13.221.823.557
Các nhà cung cấp khác	1.874.437.484	1.874.437.484	5.355.934.865	5.355.934.865
<b>Cộng</b>	<b>5.804.189.122</b>	<b>5.804.189.122</b>	<b>41.132.820.482</b>	<b>41.132.820.482</b>
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	-	-	37.299.076.033	37.299.076.033

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	322.801.794.052	362.552.618.872
Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình Thủy điện Sử Pán 2 theo quyết toán	3.830.092.863	6.595.018.871
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	-	460.686.813
Chi phí phải trả khác	129.602.000	287.843.357
<b>Cộng</b>	<b>326.761.488.915</b>	<b>369.896.167.913</b>

**14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
<b>Cộng</b>	<b>1.902.748.414</b>	<b>1.902.748.414</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	15.221.987.310	17.124.735.724
<b>Cộng</b>	<b>15.221.987.310</b>	<b>17.124.735.724</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	195.237.737	132.627.737
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)	5.500.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.221.496.635	1.531.396.752
<b>Cộng</b>	<b>6.916.734.372</b>	<b>7.164.024.489</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ủy thác của cán bộ nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	32.543.867.794	32.543.867.794	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794
Tổng Công ty Sông Đà (*)	32.543.867.794	32.543.867.794	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794
+ Gốc vay	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lãi vay nhập gốc	18.043.867.794	18.043.867.794	-	-	18.043.867.794	18.043.867.794
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.543.867.794</b>	<b>32.543.867.794</b>			<b>32.543.867.794</b>	<b>32.543.867.794</b>
Các khoản vay với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	32.543.867.794	32.543.867.794			32.543.867.794	32.543.867.794

(\*) Vay Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng số 06/2011/HỆTĐ/ĐSĐ-SĐHL với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến 01/01/2019 là 18.043.867.794 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>279.955.086.000</b>	<b>279.955.086.000</b>	-	<b>43.874.000.000</b>	<b>323.829.086.000</b>	<b>323.829.086.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	139.344.249.000	139.344.249.000	-	19.539.000.000	158.883.249.000	158.883.249.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	140.610.837.000	140.610.837.000	-	24.335.000.000	164.945.837.000	164.945.837.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>279.955.086.000</b>	<b>279.955.086.000</b>			<b>323.829.086.000</b>	<b>323.829.086.000</b>

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 đồng, thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Lãi suất vay hiện tại là 10,3 %/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	91.656.776.000	43.158.776.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	188.298.310.000	280.670.310.000
<b>Cộng</b>	<b>279.955.086.000</b>	<b>323.829.086.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>279.955.086.000</b>	<b>323.829.086.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	152.460.000.000		(241.725.621)		(1.513.020.050)		(255.449.068.432)		(104.743.814.103)	
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-		-		34.821.432.165		34.821.432.165	
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ chưa tái phát hành thành công	-		(404.055)		-		-		(404.055)	
<b>Số dư đầu năm</b>	152.460.000.000		(242.129.676)		(1.513.020.050)		(220.627.636.267)		(69.922.785.993)	
Vốn góp tăng trong năm (*)	55.000.000.000		-		-		-		55.000.000.000	
Chi phí liên quan đến phát hành cổ phiếu	-		(208.400.000)		-		-		(208.400.000)	
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-		-		55.835.584.131		55.835.584.131	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	207.460.000.000		(450.529.676)		(1.513.020.050)		(164.792.052.136)		40.704.398.138	

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 thông qua tờ trình số 11/TT-SP2-HĐQT ngày 28/03/2022 về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ-SP2 ngày 26/07/2022 thông qua tờ trình số 60/TT-SP2-HĐQT ngày 04/07/2022 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ:

- Công ty phát hành 5.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng, hình thức chào bán là chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược;
- Tổng giá trị cổ phần chào bán là 55.000.000.000 đồng với giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phần;
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán là trả nợ ngắn hạn và trả nợ nhà thầu thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2.

Ngày 17/11/2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 7627/UBCK-QLCB về việc chấp thuận Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Đến ngày 31/12/2022, Công ty đã sử dụng 14.687.811.911 đồng trong số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu để thanh toán cho các nhà thầu thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2. Bao gồm:

STT	Đối tượng	Số tiền
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	4.721.823.557
2	Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	7.631.261.618
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	863.289.775
4	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.471.436.961
	<b>Cộng</b>	<b>14.687.811.911</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 cấp ngày 04/01/2023, vốn điều lệ của Công ty là 207.460.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	34.586.800.000	16,67%	34.586.800.000	22,69%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Việt Nam	33.885.500.000	16,33%	-	0,00%
Ông Nguyễn Phong Danh	31.008.000.000	14,95%	-	0,00%
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	28.060.000.000	13,53%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	26.890.500.000	12,96%	26.890.500.000	17,64%
Ông Mai Đình Nhật	21.114.500.000	10,18%	-	0,00%
Tổng Công ty Sông Đà	-	0,00%	58.060.000.000	38,08%
Các cổ đông khác	31.914.700.000	15,38%	32.922.700.000	21,59%
<b>Cộng</b>	<b>207.460.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>152.460.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.746.000	15.246.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.746.000	15.246.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	15.246.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	123.000	123.000
- Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.623.000	15.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.623.000	15.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	-
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	-
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc	331.284.942	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp 368	47.464.154	-
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	-
Công ty Luật TNHH VFI	270.500.000	-
Văn phòng Luật sư (Kiện SD 7)	50.000.000	-
Công ty Luật TNHH Vinabiz	15.000.000	-
Ông Trương Quang Thịnh	298.964.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.679.438.142</b>	<b>-</b>

Việc xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Nghị quyết số 3012.1/NQ-SP2-HĐQT ngày 30/12/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2. Các khoản công nợ quá hạn với thời gian trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng. Công ty đã phối hợp với các bộ phận để liên lạc thu hồi tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa thu hồi được các khoản công nợ nêu trên.

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bán điện thương phẩm và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	193.001.033.392	179.081.824.253
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.416
Doanh thu dịch vụ khác	1.078.511.007	589.439.764
<b>Cộng</b>	<b>195.982.292.813</b>	<b>181.574.012.433</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	93.736.916.008	89.772.928.562
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp	537.990.689	565.184.638
Giá vốn dịch vụ khác	1.075.915.393	670.209.469
<b>Cộng</b>	<b>95.350.822.090</b>	<b>91.008.322.669</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.133.996.785	1.231.073.875
Lãi đầu tư trái phiếu	18.937.000	19.140.000
<b>Cộng</b>	<b>1.152.933.785</b>	<b>1.250.213.875</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	32.776.798.171	37.854.439.428
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.680.590.623	96.667.176
Chi phí tài chính khác	103.947.009	-
<b>Cộng</b>	<b>34.561.335.803</b>	<b>37.951.106.604</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	39.007.282	21.801.046
Chi phí nhân công	4.404.335.456	5.320.831.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	282.226.938	337.175.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.165.171.153	937.362.147
Chi phí bằng tiền khác	807.555.826	870.231.949
Giá trị của các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ chưa trích lập dự phòng	154.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.853.046.655</b>	<b>7.487.401.972</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	576.132.991	-
Các khoản khác	147.904.980	-
<b>Cộng</b>	<b>724.037.971</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính	969.342.068	8.124.889.200
Các khoản khác	167.431.272	272
<b>Cộng</b>	<b>1.136.773.340</b>	<b>8.124.889.472</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>59.957.286.681</b>	<b>38.252.505.591</b>
<b>Thu nhập hưởng ưu đãi thuế</b>	<b>58.497.799.943</b>	<b>43.973.155.206</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.509.304.090	29.465.943.454
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>17.509.304.090</i>	<i>29.465.943.454</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>76.007.104.033</b>	<b>73.439.098.660</b>
Thuế suất ưu đãi	5%	5%
<b>Thuế TNDN</b>	<b>3.800.355.202</b>	<b>3.671.954.933</b>
<b>Thu nhập không hưởng ưu đãi thuế</b>	<b>1.459.486.738</b>	<b>(5.720.649.615)</b>
Chi phí không được trừ	-	8.124.889.472
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.459.486.738</b>	<b>2.404.239.857</b>
Thuế suất ưu đãi	20%	20%
<b>Thuế TNDN</b>	<b>291.897.348</b>	<b>480.847.971</b>
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020 với hoạt động hưởng ưu đãi	-	(721.729.478)
Chi phí thuế TNDN truy thu theo biên bản thanh tra thuế	29.450.000	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.121.702.550</b>	<b>3.431.073.426</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.835.584.131	34.821.432.165
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.835.584.131	34.821.432.165
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.942.483	15.123.000
<b>Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.502</b>	<b>2.303</b>

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.007.282	6.970.830.886
Chi phí nhân công	9.999.917.523	10.725.689.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.625.020.084	54.675.842.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.953.022.431	2.807.819.889
Chi phí khác bằng tiền	23.432.151.425	23.315.542.109
Giá trị của các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ chưa trích lập dự phòng	154.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>102.203.868.745</b>	<b>98.495.724.641</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà (thoái vốn tại Sử Pán 2 tại ngày 08/04/2022)	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (bên liên quan tại 31/12/2021)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Phong Danh	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Cổ đông lớn
Ông Mai Đình Nhật	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (bên liên quan tại 31/12/2021)	Công ty có liên quan
Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Nguyên Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Trả gốc vay</b>	-	<b>500.000.000</b>
Tổng Công ty Sông Đà	-	500.000.000
<b>Cho vay</b>	-	<b>21.700.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	21.700.000.000
<b>Thu hồi gốc vay</b>	<b>10.707.000.000</b>	<b>18.993.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	10.707.000.000	18.993.000.000
<b>Lãi cho vay phát sinh</b>	<b>678.704.833</b>	<b>1.138.746.389</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	678.704.833	1.067.774.167
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	-	70.972.222

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>32.543.867.794</b>	<b>32.543.867.794</b>
Tổng Công ty Sông Đà	32.543.867.794	32.543.867.794
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	-	<b>37.299.076.033</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	-	18.625.310.422
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10	-	9.675.316.934
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	3.546.506.623
Tổng Công ty Sông Đà	-	1.191.787.103
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	2.737.964.535
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	-	58.900.641
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	1.463.289.775
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	-	<b>2.065.821.581</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	-	2.065.821.581
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	-	<b>11.827.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	10.707.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	-	1.120.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	-	<b>2.147.426.943</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	1.986.329.722
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	-	161.097.221



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đoàn Hải Chiến - Chủ tịch HĐQT	670.160.000	250.400.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng - Nguyên Tổng Giám đốc	565.365.411	439.171.462
Ông Khương Đức Dũng - Thành viên HĐQT	20.477.244	48.000.000
Ông Đỗ Đức Mạnh - Thành viên HĐQT	16.000.000	48.000.000
Ông Bùi Quang Chung - Phó Tổng Giám đốc	299.440.000	-
Ông Bùi Quế Lâm - Phó Tổng Giám đốc	24.180.000	301.345.554
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Trưởng BKS	20.000.000	-
Ông Đỗ Anh Thái - Trưởng BKS	16.000.000	48.000.000
Ông Phạm Văn Tuyền - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Các thành viên khác	88.000.000	325.299.696
<b>Cộng</b>	<b>1.791.622.655</b>	<b>1.532.216.712</b>

**2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 43.874.000.000 đồng.

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Chi phí lãi vay phải trả từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021 theo biên bản thống nhất giữa Công ty và Tổng Công ty Sông Đà là 3.850.579.087 đồng. Trong đó, chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Sông Đà năm 2021 là 1.272.778.287 đồng. Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí lãi vay với Tổng Công ty Sông Đà các năm 2019, 2020, 2021. Cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)**

**Bảng cân đối kế toán:**

Chi tiêu	Số liệu trình bày tại 31/12/2021 (số kiểm toán)		Số điều chỉnh	Số liệu trình bày tại 01/01/2022 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>810.073.739.979</b>	<b>3.850.579.087</b>	<b>300</b>	<b>813.924.319.066</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>467.869.918.255</b>	<b>3.850.579.087</b>	<b>310</b>	<b>471.720.497.342</b>
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	366.045.588.826	3.850.579.087	315	369.896.167.913
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>(66.072.206.906)</b>	<b>(3.850.579.087)</b>	<b>400</b>	<b>(69.922.785.993)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>(66.072.206.906)</b>	<b>(3.850.579.087)</b>	<b>410</b>	<b>(69.922.785.993)</b>
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(216.777.057.180)	(3.850.579.087)	421	(220.627.636.267)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(252.871.267.632)	(2.577.800.800)	421b	(255.449.068.432)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	36.094.210.452	(1.272.778.287)	421b	34.821.432.165
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>744.001.533.073</b>	<b>-</b>	<b>440</b>	<b>744.001.533.073</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Chi tiêu	Số liệu trình bày tại 31/12/2021 (số kiểm toán)		Số điều chỉnh	Số liệu trình bày tại 01/01/2022 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
7. Chi phí tài chính	22	36.678.328.317	1.272.778.287	22	37.951.106.604
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	36.678.328.317	1.176.111.111	23	37.854.439.428
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>47.650.173.350</b>	<b>(1.272.778.287)</b>	<b>30</b>	<b>46.377.395.063</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>39.525.283.878</b>	<b>(1.272.778.287)</b>	<b>50</b>	<b>38.252.505.591</b>
<b>15. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>36.094.210.452</b>	<b>(1.272.778.287)</b>	<b>60</b>	<b>34.821.432.165</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.387	(84)	70	2.303
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.387	(84)	71	2.303

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

Chi tiêu	Số liệu trình bày tại 31/12/2021 (số kiểm toán)		Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày tại 01/01/2022 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	39.525.283.878	(1.272.778.287)	01	38.252.505.591
Chi phí lãi vay	06	36.678.328.317	1.176.111.111	06	37.854.439.428
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>129.629.240.717</b>	<b>(96.667.176)</b>	<b>08</b>	<b>129.532.573.541</b>
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(27.843.858.685)	96.667.176	11	(27.747.191.509)

*[Signature]*

*[Signature]*



**Bùi Lan Hương**  
Người lập

Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

**Bùi Lan Hương**  
Phó Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Luân**  
Tổng Giám đốc